

Bản án số: 157 /2019/DS-PT

Ngày: 13 - 6 - 2019

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất
và tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2018/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 328/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm 1948 (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1950

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Anh Lê Việt B, sinh năm 1972 theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 5 năm 2018 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 10B, xã H, huyện T, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch: Bà Đỗ Cẩm Lai, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1962

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Lê Ngọc Đ1, sinh năm 1959 theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 7 năm 2018 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 10B, xã H, huyện T, tỉnh C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Ngọc Đ1, sinh năm 1959 (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Đ2, sinh năm 1967 (vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị Qu, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 10B, xã H, huyện T, tỉnh C.

4. Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh C.

5. Bà Huỳnh Thúy G, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh C

6. Anh Bùi Thanh T2, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh C

7. Anh Bùi Thanh T3, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Tr, xã V, huyện N, tỉnh C

8. Ông Huỳnh Văn T4 (chết ngày 27 tháng 4 năm 2018)

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị Đ2, sinh năm 1958 (vắng mặt)

9. Anh Lê Việt B, sinh năm 1972 (có mặt)

10. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 10B, xã H, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Anh Lê Việt B là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T1 là nguyên đơn; Bà Lê Ngọc Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ch trình bày:* Cha mẹ của ông là cụ Lê Thị D1 và cụ Huỳnh Văn Đ4, có phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 35.150,1 m², tọa lạc tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Năm 1985 cụ D1 chết, năm 1994 cụ Đ4 được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này, đến năm 2003 cụ Đ4 chết. Lúc sinh thời cụ D1 và cụ Đ4 có 10 người con gồm: Ông Huỳnh Văn Ch, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn Đ, bà Huỳnh Thúy G, ông Huỳnh Văn T4, bà Huỳnh Thị Đ2, bà Huỳnh Thị U (Út lớn), bà Huỳnh Thị Qu, ông Huỳnh Tấn L, bà Huỳnh Thị Đ5. Trong đó, ông Huỳnh Văn T4 chết năm 2018 (vợ ông T4 tên Dương Thị Đ2), ông Huỳnh Tấn L chết năm 1969 không có vợ con, bà Huỳnh Thị Đ5 chết năm 1986 (bà Huỳnh Thị Đ5 có 02 người con là Bùi Thanh T3 và Bùi Thanh T2). Cụ D1 và cụ Đ4 chết không để lại di chúc, vì vậy ông yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Trong đó, trừ phần đất bà Huỳnh Thị Qu được chia, trừ phần đất mồ mả, trừ phần đất bà T1 đang ở

có diện tích theo đo đạc thực tế 1.232,8 m², còn lại chia thừa kế theo pháp luật, ngoài phần đất ông không yêu cầu chia nhà trên đất vì đây là tài sản của ông Đ.

- *Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T1, người đại diện theo ủy quyền của bà T1 là anh Lê Việt B trình bày:* Bà T1 yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất của cụ Đ4 để lại theo quy định của pháp luật. Trong đó, trừ phần đất bà Huỳnh Thị Qu được chia, trừ phần đất mồ mả, trừ phần đất bà T1 đang ở có diện tích theo đo đạc thực tế 1.232,8 m², còn lại là chia thừa kế. Ngoài ra, bà T1 yêu cầu tách giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 1.300 m², bà T1 đã được cho để bà T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, anh B đại diện theo ủy quyền của bà T1 trình bày tách giấy chứng nhận phần đất theo đo đạc thực tế là 1.232,8 m² cho bà T1. Bà T1 không yêu cầu chia nhà trên đất vì đây là tài sản của ông Đ.

- *Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, đại diện theo ủy quyền của ông Đ là bà Lê Ngọc Đ1 trình bày:* Cha mẹ của ông, bà là cụ Huỳnh Văn Đ4 và cụ Lê Thị D1 đã chết. Cụ Đ4 và cụ D1 khi chết có để lại phần đất có diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 35.960 m² nhưng theo đo đạc thực tế là 35.150,1 m², tọa lạc tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Cụ Đ4, cụ D1 có 10 người con như ông Ch trình bày. Khi cụ Đ4, cụ D1 chết không có để lại di chúc. Khi còn sống cụ Đ4 đã cho đất ông Ch 10 công đất ruộng và 02 công đất vườn ở ấp Tân Hóa, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, ông Ch đã bán cho người khác; cho bà T1 06 công đất tầm 03m và 02 cái liếp khoảng ½ công, phần ruộng thì bà T1 đã bán còn phần 02 cái liếp, bà T1 đang ở; cho ông T4 10 công đất ruộng; cho bà Qu 05 công (đã thỏa thuận cặm trụ đá) phần diện tích còn lại chia cho ông Đ. Đối với những người chưa được chia đất là Huỳnh Thị Đ2, Huỳnh Thị U, Huỳnh Thị G, Bùi Thanh T2, Bùi Thanh T3 ông Đ sẽ tự thỏa thuận với những người này. Ông, bà không đồng ý chia đất theo yêu cầu của ông Ch, bà T1. Ông, bà đồng ý tách phần đất cho bà T1 theo đo đạc thực tế là 549,7 m².

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị Đ2, bà Huỳnh Thúy G, anh Bùi Thanh T3 thống nhất trình bày: Nếu bà Đ2, bà G, anh T3 được chia thừa kế thì các bà yêu cầu cho lại phần đất được chia cho ông Đ, Bà Đ1. Bà Đ2, bà G, anh T3 yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt.

Bà Huỳnh Thị Qu trình bày: Bà Qu rút lại yêu cầu độc lập không yêu cầu chia thừa kế, đồng thời bà Qu yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Bà Dương Thị Đ2 trình bày: Bà và ông T4 không yêu cầu chia thừa kế phần đất của cụ Đ4, cụ D1. Bà yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt.

Anh Lê Việt B, chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Anh chị có góp tiền cùng với bà T1 cất nhà trên đất bà T1 được cho. Anh chị yêu cầu bà tách phần đất bà T1 được cho để bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Anh chị không yêu cầu quyền lợi gì trong vụ án này.

Tại bản án sơ thẩm số: 75/2018/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1 kiện đòi ông Huỳnh Văn Đ phần đất diện tích 549,7 m² và không chấp nhận yêu cầu của bà T1 đòi ông Đ trả phần đất 683,1 m². Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Ch kiện đòi ông Huỳnh Văn Đ chia thừa kế phần đất có diện tích 3.522,5 m² và Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1 kiện đòi ông Huỳnh Văn Đ chia thừa kế phần đất có diện tích 3.522,5 m² do ông Huỳnh Văn Đ4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất tọa lạc tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Bà Huỳnh Thị T1 được chia phần đất có diện tích 4.072,2 m², có vị trí tứ cận:

- Phía tây giáp đất ông Trần Minh Lý dài 239,54 m;
- Phía đông giáp đất ông Huỳnh Văn Ch được chia dài 239,54 m;
- Phía bắc giáp lộ đất dài 17 m;
- Phía nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn Đ đang sử dụng dài 17 m.

Ông Huỳnh Văn Ch được chia phần đất có diện tích 3.522,5 m², có vị trí tứ cận:

- Phía tây giáp đất bà Huỳnh Thị T1 được chia, dài 234,83 m;
- Phía đông giáp đất ông Huỳnh Văn Đ đang sử dụng dài 234,83 m;
- Phía bắc giáp lộ đất dài 15 m;
- Phía nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn Đ đang sử dụng dài 15 m.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ, bà Lê Ngọc Đ1 tháo dỡ, di dời căn nhà của bà Huỳnh Thanh Thúy ra khỏi phần đất chia cho ông Huỳnh Văn Ch và bà Huỳnh Thị T1.

Giao cho ông Huỳnh Văn Đ tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích quyền sử dụng đất còn lại.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của bà Huỳnh Thị Qu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 25/9/2018, anh Lê Việt B người đại diện theo ủy quyền của bà T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Ngày 24/9/2018, bà Lê Thị Diệp người đại diện theo ủy quyền của ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà T1, Bà Đ1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch tranh luận: Phần đất tranh chấp là di sản của cụ Đ4 để lại thể hiện qua các đương sự trong vụ án thống

nhất nguồn gốc đất tranh chấp là do cụ Đ4, cụ D1 để lại, căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì giấy chứng nhận vẫn còn đứng tên cụ Đ4. Thống nhất hoàn toàn bản án sơ thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Ch thuộc trường hợp miễn án phí nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí cho ông Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T1, đại diện theo ủy quyền của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh B đại diện cho bà T1 có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu của bà T1 đòi ông Đ trả lại phần đất 683,1 m² vì phần đất này khi cụ Đ4, cụ D1 cho bà T1, bà T1 quản lý ổn định từ năm 1978 đến nay. Bà Đ1 người đại diện theo ủy quyền của ông Đ có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm vì bà cho rằng lúc sinh thời cụ Đ4, cụ D1 đã tiến hành phân chia đất cho các con, phần đất của ai người đó tự quản lý ổn định lâu dài, phần đất tranh chấp là phần đất còn lại cụ Đ4 phân chia cho ông Đ các con còn lại. Xét kháng cáo của anh B và Bà Đ1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp các bên đương sự đều thống nhất xác định là của cụ Huỳnh Văn Đ4 và cụ Lê Thị D1. Năm 1985 cụ D1 chết, cụ Đ4 sống chung với ông Đ. Ngày 04/3/1994 cụ Đ4 được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 35.960m².

[3] Theo Bà Đ1 trình bày, tuy cụ Đ4 được cấp QSDĐ ngày 04/3/1994 nhưng trước đó, cụ Đ4 đã tặng cho ông Đ và bà Qu phần đất này, cụ thể chia cho ông Đ 30 công, chia cho bà Qu 5 công. Xét lời trình bày của Bà Đ1 là phù hợp với các bản tự khai của bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị Qu, bà Huỳnh Thị U, bà Huỳnh Thị Đ2, ông Huỳnh Văn T4 về việc ông Ch, ông T4, bà T1, đã được cụ Đ4 phân chia cho đất rồi, phần đất còn lại cụ Đ4 phân chia cho ông Đ, các bản tự khai này đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi. Cũng như phù hợp với nội dung biên bản hòa giải tại Tòa án vào các ngày 19/02/2016, ngày 28/01/2016, ngày 08/5/2018. Phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Tất đất tất vàng” do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp cho ông Đ vào ngày 01/01/1993 với diện tích 30.969m². Phù hợp với trang 4 giấy chứng nhận QSDĐ do Phòng đất đai xác nhận nội dung cụ Đ4 ủy quyền sử dụng đất lại cho ông Đ. Hoàn toàn phù hợp với thực tế phần đất bà Qu được cụ Đ4 cho mà bà Qu đã nhận đồng thời có cắm trụ đá để quản lý canh tác sử dụng. Qua đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và quá trình thực tế quản lý sử dụng đất, cũng như tại phiên tòa các bên đương sự đều khác định phần đất ông Đ đứng tên QSDĐ cũng như phần đất cụ Đ4 đứng tên QSDĐ có cùng vị trí tọa lạc tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, do đó xét thấy lời trình bày của Bà Đ1 là có căn cứ.

[4] Đối với ông Ch, anh B ngoài lời việc căn cứ vào giấy CNQSDĐ do cụ Đ4 đứng tên ngày 04/3/1994 cho rằng phần đất cụ Đ4 chết để lại chưa được phân chia, yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì ông Ch và anh B không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho lời trình bày, yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ngược lại những văn bản xác nhận của bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị Qu, bà Huỳnh Thị U, bà Huỳnh Thị Đ2, ông Huỳnh Văn T4 do nguyên đơn cung cấp có nội dung về việc cụ Đ4 còn sống có cho phần đất cất nhà ở, nhưng các văn bản xác nhận trên không được UBND xã Trần Hợi xác nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận nội dung xác nhận này có do bà G, bà Qu, bà Đ2. Bà U, ông T4 trình bày.

[5] Từ cơ sở trên thấy rằng, đối với phần đất cụ Đ4 đứng tên quyền sử dụng đất ngày 04/3/1994 diện tích 35.960m² theo đo đạc thực tế diện tích là 35.150,1m² đã được cụ Đ4 tặng cho ông Đ, bà Qu, bà T1 xong trước khi cụ Đ4 chết nên phần diện tích đất này không là di sản của cụ Đ4 để lại. Cấp sơ thẩm xác định phần đất trên là di sản của cụ Đ4 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ.

[6] Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bà T1 là anh B về việc buộc ông Đ trả lại phần đất tranh chấp diện tích 1.232,8m² theo anh B xác định bà T1 được cụ Đ4 cho. Hội đồng xét xử thấy rằng: Năm 1978 cụ Đ4 có cho bà T1 phần đất cất nhà ở trong phần đất cụ Đ4 đứng tên QSDĐ ngày ngày 04/3/1994 là thực tế có xảy ra, điều này đã được các anh chị em trong đó có cả ông Đ thừa nhận. Theo anh B đại diện theo ủy quyền bà T1 xác định cụ Đ4 cho bà T1 diện tích theo đo đạc thực tế 1.232,8m², ngược lại Bà Đ1 là người đại diện của ông Đ xác định cụ Đ4 chỉ cho bà T1 khoảng ½ công tầm 3m. Do Bà Đ1 không thừa nhận cụ Đ4 cho bà T1 diện tích 1.232,8m² nhưng anh B không có giấy tờ gì thể hiện cụ Đ4 cho phần đất có diện tích như anh B trình bày. Mặc khác kể từ thời điểm cụ Đ4 cho đất bà T1 đến nay đã trên 40 năm nhưng bà T1 cũng không làm bất cứ thủ tục gì để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Qua xem xét thẩm định đo đạc thực tế trên phần đất bà T1 được cho, bà T1 chỉ sử dụng cất nhà ở trên phần đất có diện tích khuôn viên là 549,7m² nên thấy rằng lời trình bày của Bà Đ1 về việc cụ Đ4 cho bà T1 khoảng ½ công tầm 3m là có cơ sở.

[7] Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi của bà T1 về việc kiện đòi ông Đ phần đất diện tích 549,7m², không chấp nhận yêu cầu của bà T1 kiện đòi ông Đ trả phần diện tích đất còn lại 683,1 m² là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Qu, bà Qu đã rút lại yêu cầu chia thừa kế nên cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Qu là phù hợp.

Ngoài ra, HĐXX thấy rằng, cấp sơ thẩm xử phân chia đất cho ông Ch nhưng trên vị trí đất ông Ch chị Th có cất nhà ở, cấp sơ thẩm không đưa chị Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về yêu cầu chia thừa kế QSDĐ nên quyền lợi của chị Th không bị ảnh hưởng, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là Bà Đ1, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà T1 là anh B, lời tranh luận bảo vệ của Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý cho ông Ch cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[9] Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Đ1 là đại diện hợp pháp của ông Đ nên Bà Đ1 không phải chịu án phí phúc thẩm, Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo anh B là đại diện hợp pháp của bà T1, nên anh B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[10] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên phát sinh hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Ngọc Đ1 là đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn Đ.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Việt B là đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 75/2018/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1 kiện đòi ông Huỳnh Văn Đ giao trả phần đất diện tích 549,7 m² có vị trí : Phía tây giáp đất còn lại của ông Đ: dài 41,8m; Phía đông giáp đất ông Đ: dài 41,8m; Phía bắc giáp lộ đất: dài 12,9m; Phía nam giáp phần đất ông Đ: dài 13,4 m. (Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T1 về việc kiện đòi ông Huỳnh Văn Đ trả phần đất 683,1m² và yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 3.522,5m² tọa lạc tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Ch kiện đòi ông Huỳnh Văn Đ chia thừa kế phần đất có diện tích 3.522,5 m² tọa lạc tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của bà Huỳnh Thị Qu.

Bà Huỳnh Thị Qu tự chịu chi phí đo đạc số tiền là 4.104.000 đồng (đã nộp xong).

Ông Huỳnh Văn Ch phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền 1.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị T1 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1.000.000 đồng, ông Huỳnh Văn Đ và bà Lê Ngọc Đ1 phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản số tiền 1.000.000 đồng. Do anh Lê Việt B đại diện theo ủy quyền của bà T1 đã nộp thay cho bà T1 số tiền 3.000.000 đồng nên buộc ông Ch hoàn trả cho bà T1 số tiền 1.000.000 đồng, ông Đ hoàn trả cho bà T1 số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà T1 có yêu cầu thi hành án về số tiền thẩm định, định giá trên, nếu ông Ch, ông Đ không thi hành xong khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền và thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T1 phải chịu số tiền 983.000 đồng, bà T1 có dự nộp số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 03527 ngày 03/12/2012 và biên lai thu số 0007855 ngày 01/3/ 2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ, bà T1 được nhận lại số tiền 1.017.000 đồng. Ông Huỳnh Văn Ch phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, có dự nộp số tiền 1.700.000 đồng theo biên lai thu số 03522 ngày 30/11/2012 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ, ông Ch được nhận lại số tiền 1.400.000 đồng. Ông Huỳnh Văn Đ phải chịu số tiền 797.600 đồng (chưa nộp).

Bà Huỳnh Thị Qu không phải chịu án phí, bà Qu đã nộp theo biên lai thu số 03690 ngày 04/02/2013 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí phúc thẩm bà Huỳnh Thị T1 phải chịu người số tiền 300.000 đồng, ngày 23/9/2018 anh Lê Việt B đã nộp thay bà T1 theo biên lai thu số 0008717 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Ông Huỳnh Văn Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, ngày 24/9/2018 bà Lê Ngọc Đ1 đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0008712 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Trung